

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM TÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 03-7-2020

V/v: “Ly hôn; tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM TÂN**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Ngọc và bà Vũ Thị Nữ

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tuấn - Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thị Kim Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 234/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2019 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 27/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2020/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện H, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Mang Thị H**, sinh năm: 1979 (*Có mặt*)

Địa chỉ: Khu phố H, thị trấn T, huyện H, tỉnh B.

- *Bị đơn:* Ông **Huỳnh Văn S**, sinh năm: 1975 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Khu phố H, thị trấn T, huyện H, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Mang Thị H trình bày: Bà và ông Huỳnh Văn S tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 05/7/2004 tại UBND thị trấn T, huyện H, tỉnh B. Ông S không lo làm ăn, thường xuyên nhậu nhẹt, đánh đập vợ con. Bà và ông S sống ly thân với nhau đã 05 năm, tình cảm của bà đối với ông S không còn, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông S.

Về con chung: Có 03 con chung là Huỳnh Thị Bé T, sinh năm: 1998; Huỳnh Thị Bé C, sinh năm: 2000 và Huỳnh Thị Bé H, sinh ngày: 09/01/2009. Cháu T và cháu C đã trưởng thành, còn cháu H hiện đang sống với bà nên bà xin được nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Huỳnh Văn S đã được tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng trong vụ án nhưng không có mặt.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H cho rằng:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 41 của Bộ luật tố tụng dân sự. Thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định.

- Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Mang Thị H được ly hôn với ông Huỳnh Văn S; Giao cháu H cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông S không phải cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết. Bà H phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Sau khi nghe quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

- Bà Mang Thị H khởi kiện yêu cầu được ly hôn, tranh chấp nuôi con đối với ông Huỳnh Văn S. Ông S đang cư trú tại thị trấn T, huyện H, tỉnh B. Quan hệ tranh chấp trong vụ án là ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh B theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ông S vắng mặt xét xử lần thứ hai, căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông S.

[2] Về hôn nhân:

Bà Mang Thị H và ông Huỳnh Văn S tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 05/7/2004 tại UBND thị trấn T, huyện H, tỉnh B nên hôn nhân giữa bà H và ông S là hôn nhân hợp pháp.

Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng, nhưng ông S không có mặt, không thể hiện thiện chí muốn hòa giải để đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa, bà H cũng khẳng định không còn tình cảm và quyết định muốn ly hôn với ông S. Theo xác minh tại chính quyền địa phương, bà H và ông S không còn chung sống với nhau, chứng tỏ mâu thuẫn giữa bà H và ông S đã thật sự trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông S.

[3] Về con chung:

Có 03 con chung là Huỳnh Thị Bé T, sinh năm: 1998 Huỳnh Thị Bé C, sinh năm: 2000 và Huỳnh Thị Bé H, sinh ngày: 09/01/2009. Do ông S vắng mặt nên không thể thỏa thuận người trực tiếp nuôi con theo quy định. Cháu T và cháu C đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Đối với cháu H

hiện nay bà H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, do đó Hội đồng xét xử giao cháu H cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Án phí: Bà H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mang Thị H về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” với ông Huỳnh Văn S.

1. Quan hệ hôn nhân: Bà Mang Thị H được ly hôn với ông Huỳnh Văn S.
2. Con chung: Bà Mang Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là: Huỳnh Thị Bé H, sinh ngày: 09/01/2009.

Ông Huỳnh Văn S được quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con chung, ông Huỳnh Văn S có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Án phí: Bà Mang Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0029085 ngày 10/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, bà H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Bà H có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Ông S có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn T;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Phương